

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH NINH BÌNH

Số: /NBI-QLDN3
V/v hướng dẫn về thuế nhà thầu
nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH TDS Việt Nam

Mã số thuế: 0700777105

Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 22/7/2025, Thuế tỉnh Ninh Bình nhận được văn bản số 12/2025/CV-TDS của Công ty TNHH TDS Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) về việc hướng dẫn về thuế nhà thầu nước ngoài. Về vấn đề này, Thuế tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 quy định:

“Điều 1. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức, cá nhân nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) hoặc thực hiện phân phối hàng hóa tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam. ...”

+ Tại Điều 8 Mục 2 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng kê khai và nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo phương pháp kê khai;

+ Tại Điều 11 Mục 3 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng kê khai và nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo phương pháp trực tiếp;

+ Tại Điều 14 Mục 4 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng kê khai và nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo phương pháp hỗn hợp;

+ Tại Điều 10, Điều 13, Điều 16 quy định Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với từng phương pháp tính thuế:

- “Điều 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

- “ Điều 13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

...

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1
	...	

...”

- “ Điều 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 Mục 3 Chương II.”

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội:

Điều 12. Phương pháp tính trực tiếp

...

2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

a) Đối tượng áp dụng bao gồm:

...

a3) Tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không bao gồm các nhà cung cấp nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật này;

...

b) Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

b1) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;

b2) Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;

b3) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;

b4) Hoạt động kinh doanh khác: 2%;

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam:

“Điều 9. Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam

...

3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam:

a) Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) mà các dịch vụ này được cung cấp tại Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam.

b) Dịch vụ hoặc dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài cung cấp trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) mà các dịch vụ này được cung cấp ngoài Việt Nam và tiêu dùng tại Việt Nam.

c) Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều này) hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu theo quy định, phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế giá trị gia tăng được tính chung cho cả hợp đồng.

4. Cách xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp:

a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu được xác định căn cứ theo giá tính thuế và tỷ lệ %. Trong đó, giá tính thuế giá trị gia tăng là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có) theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

b) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng doanh thu tính thuế giá trị gia tăng nhân với tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu.

c) Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào để thực hiện hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ.

... ”

- Căn cứ điểm n khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định các loại thuế khai theo từng lần phát sinh.

- Tại mẫu số 01/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC quy định mẫu tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài).

Căn cứ các quy định nêu trên và theo trình bày của Công ty, do Công ty chưa có hồ sơ, tài liệu cụ thể kèm theo nên Thuế tỉnh Ninh Bình hướng dẫn việc kê khai thuế nhà thầu nước ngoài về nguyên tắc như sau:

- Theo quan hệ mua bán giữa các bên như Công ty trình bày, Công ty T.D.S Hong Kong (sau đây gọi là TDS HK) cung cấp hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và có phát sinh thu nhập tại Việt Nam. Do đó, TDS HK phát sinh nghĩa vụ kê khai, nộp thuế nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

- Về việc nhà thầu nước ngoài thực hiện nghĩa vụ thuế:

+ Trường hợp nhà thầu nước ngoài phát sinh bán hàng hóa không kèm theo bất kỳ dịch vụ nào theo quy định, căn cứ phương pháp tính thuế đủ điều kiện áp dụng, nhà thầu nước ngoài thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Điều 10, Điều 13, Điều 16 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

+ Trường hợp nhà thầu nước ngoài phát sinh bán hàng hóa có kèm theo dịch vụ theo quy định, căn cứ phương pháp tính thuế đủ điều kiện áp dụng, nhà thầu nước ngoài thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn tại Điều 10, Điều 13, Điều 16 Thông tư số 103/2014/TT-BTC, điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 và Điều 9 Thông tư số 69/2025/TT-BTC.

Ngoài ra, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Từ thời điểm Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025 có hiệu lực thì Công ty thực hiện theo quy định tại Luật này.

- Trường hợp TDS HK không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì bên Việt Nam kê khai, nộp thay thuế nhà thầu cho TDS HK.

Trường hợp Công ty kê khai, nộp thay thuế nhà thầu cho TDS HK, Công ty phải căn cứ hợp đồng mua bán giữa các bên, điều kiện giao hàng cụ thể theo các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms, điều khoản thanh toán, các hồ sơ, tài liệu liên quan để xác định nghĩa vụ thuế nhà thầu; thực hiện kê khai tờ khai

thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 01/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC theo quy định.

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên và đối chiếu với tình hình thực tế tại đơn vị để tự xác định việc kê khai, nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định. Nếu có vướng mắc, Công ty liên hệ với Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 3 theo số điện thoại: 02293.875469 (công chức Đinh Thủy Tiên) để được hỗ trợ.

Thuế tỉnh Ninh Bình trả lời để Công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Thuế tỉnh;
- PTTT. Đỗ Thị Thu Hiền;
- Các phòng: QLDN1, KTr3, NVDTTPC;
- Website Thuế tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, QLDN3.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Đỗ Thị Thu Hiền